

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 29/01/2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lang Thanh Tùng.

Ông Hà Văn Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Vận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **12/2026/QĐXXST- HNGĐ** ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Hà Thị H](#), sinh ngày 12/5/**1993**.

Nơi đăng ký HKTT: [Bản H, xã T, tỉnh Nghệ An](#).

Nơi ở hiện tại: [Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An](#).

Số căn cước công dân: 040193015877.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh [Lô Văn T](#), sinh ngày 22/6/1992.

Nơi cư trú: [Bản H, xã T, tỉnh Nghệ An](#).

Số căn cước công dân: 040092043096.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị [Hà Thị H](#) trình bày: Chị [Hà Thị H](#) và anh [Lô Văn T](#) đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2017, tại

Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An)). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian sống chung với nhau chị và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh T thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn để xây dựng gia đình chăm sóc cho vợ, con, về nhà thì gây sự, chửi bới, xúc phạm chị. Chị H và gia đình hai bên cố gắng khuyên nhủ để anh T thay đổi để vợ chồng chung sống nuôi dạy con nhưng không có kết quả, mà anh T vẫn chứng nào, tật nấy. Vì mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do không thể chung sống được với nhau nên chị và anh T đã ly thân. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và vợ chồng không thể quay lại đoàn tụ với nhau nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị Hà Thị H và anh Lô Văn T có 01 con chung Lô Thị Tuyết N, sinh ngày 15/02/2019, hiện tại đang ở cùng với ông, bà nội. Chị và anh T đều đi làm kiếm tiền gửi về cho ông, bà nội nuôi con. Ly hôn chị H đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hà Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn anh Lô Văn T, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù nhận được thông báo thụ lý vụ án và được giao nhận giấy triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng anh Lô Văn T không có mặt để lấy lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Tại phiên tòa anh Lô Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh T; Về con chung: Giao con chung Lô Thị Tuyết N, sinh ngày 15/02/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh [Lô Văn T](#) có hộ khẩu thường trú tại [bản H, xã T, tỉnh Nghệ An](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án mặc dù đã được thông báo, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn đăng ký nơi cư trú, nơi tạm trú rõ ràng nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, không khai báo tạm vắng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn không chấp hành, không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Như vậy bị đơn đã cố tình che giấu địa chỉ, ngoài ra bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị [Hà Thị H](#) và anh [Lô Văn T](#) là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo về điều kiện kết hôn và được đăng ký kết hôn đúng quy định. Sau khi kết hôn, chị [H](#) và anh [T](#) chung sống với nhau không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị [H](#) và anh [T](#) đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị [H](#) giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh [T](#). Xét thấy hôn nhân của chị [H](#), anh [T](#) lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị [H](#), cho chị [H](#) được ly hôn anh [T](#).

[3] Về con chung: Giữa chị [Hà Thị H](#) và anh [Lô Văn T](#) 01 con chung [Lô Thị Tuyết N](#), sinh ngày 15/02/2019. Ly hôn chị [H](#) có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện tại cháu [N](#) đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị [H](#) có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có đủ các điều kiện đảm bảo cho việc học tập, giáo dục con phát triển lành mạnh. Do đó, căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, chấp nhận yêu cầu của chị [H](#), giao cháu [N](#) cho chị [H](#) trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh [T](#).

[4] Về tài sản chung: Chị [Hà Thị H](#) không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị [Hà Thị H](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị [Hà Thị H](#) được ly hôn anh [Lô Văn T](#).

2. Về giao nuôi con chung: Giao con chung [Lô Thị Tuyết N](#), sinh ngày 15/02/2019 cho chị [Hà Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh [Lô Văn T](#).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị [Hà Thị H](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị [Hà Thị H](#) đã nộp theo biên lai thu số 0002203 ngày 03 tháng 11 năm 2025 tại Cơ quan Thi hành án dân **tỉnh Nghệ An**.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND KV 10;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tiên Phong, NA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lô Văn Linh

